

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 02 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục 35 thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực hộ tịch  
thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 35 thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể:

- Thủ tục hành chính mới ban hành: 02 thủ tục.
- Thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung: 33 thủ tục.

*(có Phụ lục kèm theo).*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cập nhật, công khai Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. **Thời gian hoàn thành trong 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

b) Xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với các thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này. Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông; Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Danh mục thủ tục hành chính tái sử dụng (có kết quả là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác) nếu có đối với các thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Hồ sơ trình đối với các nhiệm vụ nêu tại điểm b, c khoản này được gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. **Thời gian hoàn thành trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

## 2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Công khai trên Trang thông tin điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP. **Thời gian hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

b) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ danh mục 02 thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, gồm:

a) 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh số thứ tự 01 mục I, Phần A.

b) 01 thủ tục hành chính cấp huyện số thứ tự 01 mục I, Phần B.

2. Bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch tại Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*ban hành kèm theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công bố Danh mục 32 thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung) lĩnh vực hộ tịch; Danh mục 159 thành phần hồ sơ phải số*

*hoá của 32 thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch; Danh mục 03 thủ tục hành chính tái sử dụng (có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác) lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang), gồm:*

- a) 01 thủ tục hành chính áp dụng chung thực hiện tại cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thứ tự số 1, phần I, Phụ lục I.
- b) 15 thủ tục cấp huyện số thứ tự từ 01 đến 15 phần II, Phụ lục I.
- c) 16 thủ tục cấp xã số thứ tự từ 01 đến 16 phần II, Phụ lục I.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Công báo tỉnh; (đăng tải)
- P. Nội chính (đ/c Loan);
- Lưu: VT, THCBKS (Huyện).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt Phương**

## PHỤ LỤC I

**DANH MỤC 35 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
(ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ  
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
<b>A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 thủ tục hành chính cấp xã)</b>								
1		Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định</p> <p>- Miễn lệ phí cho người gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> </ul>	X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
						<p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
2		Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
<b>B</b>	<b>DANH MỤC DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (33 thủ tục)</b>							
<b>I</b>	<b>DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ (CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN)</b>							
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	X	X



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
2	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp tỉnh, cấp huyện.</p> <p>2. Trực tuyến: Cổng DVCQG (<a href="https://dichvu.cong.gov.vn">https://dichvu.cong.gov.vn</a>) hoặc Cổng DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
<b>II DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>								
1.	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, bưu chính: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
2	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	13 ngày <sup>(1)</sup>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 1.200.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 600.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

<sup>1</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
3	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang,</p>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
4	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	13 ngày <sup>(2)</sup>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 1.200.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 600.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định - Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

<sup>2</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
5	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	13 ngày <sup>3)</sup>	Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	<p>1. Đăng ký khai sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</li> </ul> <p>2. Đăng ký nhận cha, mẹ, con</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 1.200.000 đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	

<sup>3</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
6	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	4,5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử <sup>(4)</sup> , 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvutuyenquang.gov.vn">https://dichvutuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</li> </ul>	X	X

<sup>4</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
7	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
8	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p><b>1. Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước; xác định lại dân tộc:</b></p> <p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 28.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 14.000 đồng</p> <p><b>2. Thay đổi, cải chính hộ tịch có yếu tố nước ngoài:</b></p> <p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 35.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 18.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
9	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	10 ngày <sup>(5)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

<sup>5</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 12 ngày xuống còn 10 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
10	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	10 ngày <sup>(6)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	x

<sup>6</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 12 ngày xuống còn 10 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
11	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</p>	X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
12	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	4,5 ngày làm việc <sup>(7)</sup> . Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 22 ngày <sup>(8)</sup> .	<b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện  <b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG ( <a href="https://dichvucon.gov.vn">https://dichvucon.gov.vn</a> ) hoặc Công DVC cấp tỉnh ( <a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a> )	- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng. - Trực tuyến: 35.000 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang; - Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.	X	X

<sup>7</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>8</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 22 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
13	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	4,5 ngày làm việc <sup>(9)</sup> . Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 22 ngày <sup>(10)</sup> .	<b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện  <b>2. Trực tuyến:</b> Cổng DVCQG ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Cổng DVC cấp tỉnh ( <a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a> )	- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.  - Trực tuyến: 35.000 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; - Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	X	X

<sup>9</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>10</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 22 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
14	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	4,5 ngày làm việc <sup>(11)</sup> ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 22 ngày <sup>(12)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvutuyenquang.gov.vn">https://dichvutuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 1.200.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 600.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

<sup>11</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>12</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 22 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
15	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	4,5 ngày làm việc <sup>(13)</sup> ; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc <sup>(14)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvutuyenquang.gov.vn">https://dichvutuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích: 70.000 đồng.</p> <p>- Trực tuyến: 35.000 đồng</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

<sup>13</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>14</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
<b>III DANH MỤC 16 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>								
1	1.001193	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định; đăng ký khai sinh đúng hạn.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
2	1.000894	Đăng ký kết hôn	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc <sup>15</sup> .	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 15.000 đồng/ trường hợp</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

<sup>15</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 08 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
4	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc <sup>16</sup> .	Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng/ trường hợp.</li> <li>- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/ trường hợp</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định; đăng ký khai sinh đúng hạn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	

<sup>16</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ không quá 08 ngày làm việc xuống còn không quá 07 ngày làm việc

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
5	1.000656	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn: 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định; đăng ký khai tử đúng hạn.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	Trực tiếp tại địa điểm lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định; đăng ký khai sinh đúng hạn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
7	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc.	Trực tiếp tại địa điểm lưu động	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Trực tiếp tại địa điểm lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn: 8.000đ/ trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định; đăng ký khai tử đúng hạn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</li> <li>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul>	x	x



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
9	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>22. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Miễn lệ phí</p> <p>- Phí cấp trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu)</p> <p>Thực hiện theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>- Bộ luật dân sự năm 2015</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
10	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc.	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvutuyenquang.gov.vn">https://dichvutuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- Miễn lệ phí</p> <p>- Phí cấp trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu)</p> <p>Thực hiện theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>- Bộ luật dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
11	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p>2. Trực tuyến: Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 15.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
12	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 21 ngày <sup>17</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 15.000 đồng/ trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

<sup>17</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 23 ngày xuống còn 21 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
13	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	4,5 ngày làm việc <sup>(18)</sup> ; Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 22 ngày <sup>(19)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvutuyenquang.gov.vn">https://dichvutuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

<sup>18</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>19</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 22 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
14	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	4,5 ngày làm việc <sup>(20)</sup> ; Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 22 ngày <sup>(21)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

<sup>20</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>21</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 22 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
15	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	4.5 ngày làm việc <sup>(22)</sup> ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 22 ngày <sup>(23)</sup>	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvutuyenquang.gov.vn">https://dichvutuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 25.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	x	x

<sup>22</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc

<sup>23</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 22 ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BPMC	DV BCCI
16	1.005461	Đăng ký lại khai tử	4,5 ngày làm việc <sup>(24)</sup> ; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 09 ngày làm việc <sup>(25)</sup> .	<p><b>1. Trực tiếp:</b> Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp xã.</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b> Công DVCQG (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Công DVC cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>)</p>	<p>- 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2022 ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023 ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.</p>	X	X

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

<sup>24</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc.

<sup>25</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 09 ngày./.



